TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 13/2020/DSST.
Ngày: 28/4/2020.
(V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Danh Tuyên; ông Nguyễn Trung Dũng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Xuân Giáp - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa: bà. Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên .

Ngày 28/4/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 14/2020/TLST- DS ngày 15/01/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX- ST ngày16/4/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C

Địa chỉ: 169 L, phường H, quận H, Hà nội.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Việt H; chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng c huyện N, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ: khối 4, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An theo giấy ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Ngân hàng c; Có giấy xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1945

Địa chỉ: xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị B; sinh năm 1962

Địa chỉ: xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng C và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08 tháng 12 năm 2004, tại trụ sở chi nhánh Ngân hàng C huyện N- Ngân hàng C, ông Nguyễn Văn D và Ngân hàng đã xác lập hợp đồng tín dụng số XKLD 2801. Nội dung hợp đồng là phía Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn D vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu) để cho người nhà là bà Nguyễn Thị B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Lãi suất vay trong hợp đồng là 0,5%/tháng, lãi quá hạn là 0,65%/tháng; Thời hạn vay là 24 tháng, hạn trả nợ là ngày 08/12/2006.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn D đã thanh toán tiền lãi đến ngày 08/12/2006 với số tiền là 2.029.800 đồng. Kể từ ngày 09/12/2006, ông Nguyễn Văn D không thanh toán tiền gốc nên bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất 0,65%/tháng. Ông Nguyễn Văn D nộp lãi quá hạn đến 30/6/2008 thì chây ỳ, không nộp lãi cũng như không thanh toán nợ gốc.

Theo quy định của Ngân hàng và chính sách hỗ trợ của Nhà nước, do phía gia đình ông Nguyễn Văn D quá khó khăn nên Ngân hàng đã tiến hành khoanh nợ số tiền 10.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng XKLĐ 2801 của ông cũng như thực hiện xóa hết nợ lãi kể từ ngày 24/6/2014 về trước cho hợp đồng này trong hạn 05 năm với mục đích tạo điều kiện cho ông D có điều kiện thanh toán nợ. Tuy nhiên, đến ngày 24/6/2019, mặc dù hết hạn khoanh nợ nhưng gia đình ông D vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 28/04/2020, số nợ gốc ông Nguyễn Văn D phải thanh toán là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

Tiền nợ lãi tính từ ngày hết hạn khoanh và xóa nợ lãi (24/6/2019) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28/4/2020 là 688.693đồng. (sáu trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi ba) đồng).

Tổng cả hai khoản là 10.688.693 đồng. (Mười triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi ba đồng).

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn D và người hưởng thụ phần vốn vay là bà Nguyễn Thị B chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng c khoản tiền gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày xét xử. Sau khi xét xử, đề nghị Tòa án buộc ông D, bà B tiếp tục chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị B không hợp tác với Tòa án, không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng*:* Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự, lập hồ sơ đầy đủ, đúng pháp luật. Mặc dù bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt theo giấy triệu tập của Toà án- Thẩm phán, Hội đồng xét xử vẫn thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan dù được giao nhận hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không chấp hành, không hợp tác với Tòa án; Đây là phiên tòa lần thứ hai nên việc xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 10.688.693 (Mười triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi ba) đồng và tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên; Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Các đương sự tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng dân sự. Nơi cư trú của bị đơn tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Theo Hợp đồng tín dụng số XKLD2801 kí kết ngày 08/12/2004, bị đơn đã vay nguyên đơn 10.000.000 đồng; thời hạn vay là 24 tháng; hạn trả nợ gốc một lần; toàn bộ số tiền đã được giải ngân ngày 08/12/2004 (thể hiện trong Phụ lục hợp đồng tín dụng). Quá trình vay nợ, ông Nguyễn Văn D nộp lãi quá hạn đến 30/6/2008 thì chây ỳ, không nộp lãi cũng như không thanh toán nợ gốc. Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

- Quá trình giải quyết vụ án ngoài thì bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không hợp tác làm việc nên không có lời khai, lời trình bày, ý kiến gì; Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp Giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì cả ông D và bà B đều vắng mặt tại địa phương, không cắt chuyển hộ khẩu, không khai báo tạm vắng. Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng của Tòa án, niêm yết các văn bản tố tụng,quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng các đương sự vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

2. Về nội dung:

+ Hợp đồng số XKLDD2801 kí kết ngày 08.12.2020, mục đích vay là để bà Nguyễn Thị B đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan giữa ông Nguyễn Văn D và ngân hàng C - chi nhánh huyện N được thiết lập cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật và đã được giải ngân, kí nợ. Do đó xác định đây là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên nên cần căn cứ vào các điều khoản đã quy định trong hợp đồng để xem xét giải quyết.

Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

* Đối với yêu cầu buộc thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Xét yêu cầu đòi số tiền nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng XKLĐ 20871 ngày 08/12/2004 thì Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn D vay 10.000.000 đồng Việt nam vào ngày 08/12/2004 và ông D cũng chỉ trả được một phần nợ lãi, nay tổng số tiền gốc còn nợ của Hợp đồng là 10.000.000 đồng. Mặc dù Ngân hàng áp dụng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước vì phía gia đình ông Nguyễn Văn D quá khó khăn để khoanh nợ số tiền 10.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng XKLĐ 2801 của ông cũng như thực hiện xóa hết nợ lãi kể từ ngày 24/6/2014 về trước cho hợp đồng này trong hạn 05 năm với mục đích tạo điều kiện cho ông D có điều kiện thanh toán nợ. Nhưng cho đến ngày 24/6/2019, mặc dù hết hạn khoanh nợ nhưng gia đình ông D vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng; nội dung này thể hiện trong hợp đồng, trong sổ lưu tờ rời theo dõi nợ; sau khi nhận được thông báo thụ lý, bản sao biên bản phiên họp Giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, cả ông D và bà B đều không có ý kiến phản hồi nên cần chấp nhận để bảo đảm quyền và lợi ich hợp pháp cho Nguyên đơn. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn D liên đới cùng bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận.

- Về yêu cầu đòi số tiền nợ lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Hợp đồng tín dụng ghi lãi suất vay trong hạn tại thời điểm vay là 0,5%/tháng. Nếu phát sinh nợ gốc quá hạn thì phải chịu lãi suất quá hạn là 0,65%/tháng.

Cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả các khoản tiền tính đến ngày 28/4/2020:

- Nợ gốc là 10.000.000 đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính từ ngày hết hạn khoanh nợ là 24/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 688.693 đồng.

Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng và được cụ thể trong sổ lưu tờ rời, do phía gia đình ông Nguyễn Văn D quá khó khăn nên Ngân hàng đã thực hiện xóa hết nợ lãi kể từ ngày 24/6/2014 về trước cho hợp đồng này đồng thời tiến hành khoanh nợ số tiền gốc 10.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng XKLĐ 2801cho ông trong hạn 05 năm kể từ ngày 26/4/2014 với mục đích tạo điều kiện cho ông D có điều kiện thanh toán nợ. Tuy nhiên, đến ngày 24/6/2019, hết hạn khoanh nợ nhưng gia đình ông D vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Như vậy, căn cứ theo hợp đồng thì kể từ ngày 26/4/2019, số tiền gốc 10.000.000 đồng nói trên đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn là 0,65%/tháng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu

về tiền lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi tính từ ngày 26/4/2019 cho đến ngày xét xử là 0,65%/tháng của số tiền gốc 10.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là thỏa đáng. Căn cứ vào điểm b, mục 1 Điều 8; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân Tối cao; theo án lệ số 08/2016/AL mà Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17.10.2016 và được công bố theo quyết định 698/QĐ- CA ngày 17.10.2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì: "Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay". Như vậy, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất 0,65%/tháng mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng

Ngoài ra, hợp đồng tín dụng trên thuộc loại hỗ trợ cho hộ nghèo, không có tài sản thế chấp bảo đảm khoản vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí*:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 10.688.693 đồng và được Tòa án chấp nhận; Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lí và sử dụng án phí và lệ phí, Tòa án cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 116; Điều 117; Điều 288; Điều 466 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân Tối cao; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17.10.2016 và được công bố theo quyết định 698/QĐ- CA ngày 17.10.2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về Lệ phí, án phí Tòa án;

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C:

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B phải liên đới trả cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ là 10.688.693 đồng Việt Nam (Mười triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi ba đồng); Trong đó: nợ gốc là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (28/4/2020) là 688.693 đồng (Sáu trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn là 0,65%/tháng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng C.

-Về án phí:

Ông Nguyễn Văn D phải chịu 534.435 đồng (năm trăm ba tư ngàn bốn trăm ba lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Loan Hòa